

**MỤC LỤC**

PHẦN MỞ ĐẦU.....	6
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Định nghĩa	6
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	8
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	9
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	9
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	15
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	15
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần.....	15
Điều 6. Cổ phiếu	17
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông	17
Điều 8. Thừa kế cổ phần.....	18
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	19
Điều 10. Thu hồi Cổ phần.....	19
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	19
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	19
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	20
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	22
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.....	25



Điều 17. Thay đổi các quyền.....	26
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	34
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
Điều 25. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đề cử, miễn nhiệm thành viên HĐQT.	35
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.....	43
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	44
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.49	
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	49
Điều 30. Cán bộ quản lý.....	49
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	49
Điều 32. Thư ký Công ty.....	51
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	52
Điều 33. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.....	52
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	52
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	54



Điều 36. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	54
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	55
Điều 37. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đề cử, miễn nhiệm thành viên BKS:	55
Điều 38. Quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS.....	57
CHƯƠNG XI. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.....	59
Điều 39. Đơn vị hạch toán phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của CTP.CP.....	59
Điều 40. Quan hệ giữa CTP.CP với đơn vị hạch toán phụ thuộc.....	59
Điều 41. Quan hệ của CTP.CP đối với Công ty TNHH một thành viên do CTP.CP làm Chủ sở hữu.....	59
Điều 42. Quan hệ giữa CTP.CP và các công ty con là Công ty cổ phần, Công ty liên kết, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty liên doanh	60
Điều 43. Quan hệ giữa CTP.CP với Công ty liên kết.....	61
Điều 44. Nghĩa vụ và trách nhiệm của CTP.CP đối với Công ty con, Công ty liên kết.....	61
CHƯƠNG XII. QUẢN LÝ VỐN GÓP VÀ CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ PHẦN VỐN GÓP ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC	63
Điều 45. Vốn của CTP.CP tại Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh, Công ty liên kết.....	63
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của CTP.CP trong tham gia đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác.....	63
Điều 47. Tiêu chuẩn, điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP....	64
Điều 48. Quyền và nghĩa vụ và quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP tại Công ty con, Công ty liên kết	65
CHƯƠNG XIII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	67
Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	67
CHƯƠNG XIV. TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC	67
Điều 50. Tổ chức Đảng, Công đoàn và Tổ chức Xã hội khác.....	67



CHƯƠNG XV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	68
Điều 51. Cổ tức.....	68
Điều 52. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	69
CHƯƠNG XVI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	69
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	69
Điều 54. Quỹ dự phòng Tài chính.....	70
Điều 55. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.....	70
Điều 56. Năm tài khóa.....	70
Điều 57. Hệ thống kế toán.....	70
CHƯƠNG XVII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	71
Điều 58. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	71
Điều 59. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	72
CHƯƠNG XVIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	72
Điều 60. Kiểm toán.....	72
CHƯƠNG XIX. CON DẤU.....	73
Điều 61. Con dấu.....	73
CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	73
Điều 62. Chấm dứt hoạt động.....	73
Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	73
Điều 64. Thanh lý.....	74
CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	74
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	74
CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	75
Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	75
CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC	76



Điều 67. Ngày hiệu lực.....	76
Điều 68. Chữ ký của Hội đồng quản trị và người đại diện pháp luật của Công ty.....	76



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà nhất trí thông qua ngày 24/04/2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trong Điều lệ này những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây, trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác:

1. "*Việt Nam*" có nghĩa là: Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. "*Pháp luật*" là: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
3. "*Luật doanh nghiệp*" có nghĩa là: Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
4. "*Công ty*" có nghĩa là: Công ty cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà - CTP.CP;
5. "*Ngày thành lập*" có nghĩa là: Ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100105944 ngày 06/06/2006;
6. "*Vốn điều lệ*" có nghĩa là: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
7. "*Cổ đông*" là: Thẻ nhân hoặc pháp nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ phần của Công ty;
8. "*Chủ sở hữu*" là: Cổ đông góp vốn thành lập Công ty cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà;
9. "*Đại diện chủ sở hữu*" là: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà;
10. "*Đại hội đồng cổ đông*" có nghĩa là: Toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
11. "*Hội đồng Quản trị*", viết tắt là: "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty;

12. "*Ban Kiểm soát*", viết tắt là: "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;
13. "*Cán bộ quản lý*" có nghĩa là: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng Công ty;
14. "*Người có liên quan*" là: Cá nhân hoặc tổ chức bất kỳ như quy định tại Điều 4.17 của Luật doanh nghiệp;
15. "*Cổ phần phổ thông*" là: Cổ phần thông thường do Công ty phát hành;
16. "*Cổ đông phổ thông*" là: Người sở hữu cổ phần phổ thông;
17. "*Cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần ưu đãi hoàn lại*" là: Các loại cổ phần được định nghĩa theo như quy định tương ứng tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Doanh nghiệp;
18. "*Thời hạn hoạt động*" có nghĩa là: Thời hạn ban đầu của Công ty như quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời hạn gia hạn được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết;
19. "*Công ty con*" là: Công ty trực thuộc do CTP.CP đầu tư 100% vốn Điều lệ hoặc do CTP.CP giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, bao gồm:
 - a. Công ty TNHH một thành viên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
 - b. Công ty TNHH có hai thành viên trở lên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
 - c. Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
 - d. Công ty liên doanh với nước ngoài, hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
 - e. Công ty ở nước ngoài, hoạt động theo pháp luật nước sở tại và các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài;
 - f. Các loại hình Công ty khác theo quy định của pháp luật.
20. "*Công ty liên kết*" là: Công ty trực thuộc có vốn góp dưới mức chi phối của CTP.CP, tổ chức dưới hình thức Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh với nước ngoài, Công ty ở nước ngoài;
21. "*Công ty tự nguyện tham gia liên kết với CTP.CP*" là: Công ty không có cổ phần, vốn góp của CTP.CP nhưng tự nguyện tham gia thành viên của CTP.CP, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với CTP.CP theo hợp đồng liên kết hoặc theo thoả thuận.



22. "*Đơn vị trực thuộc*" là: Các đơn vị do CTP.CP nắm giữ một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, gồm Công ty con và Công ty liên kết.

23. "*Vốn điều lệ của CTP.CP*" là: Số vốn do Chủ sở hữu đầu tư và ghi tại Điều 5 của Điều lệ này.

24. "*Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối*" là: Cổ phần hoặc phần vốn góp của CTP.CP chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều lệ của Công ty con, hay cùng với Công ty trực thuộc khác chiếm một tỷ lệ nhỏ hơn mà theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty đủ để CTP.CP thực hiện quyền chi phối đối với Công ty đó.

25. "*Quyền chi phối*" là: Quyền của CTP.CP (với tư cách là Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối tại Công ty con hoặc nắm giữ bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường của Công ty con) quyết định đối với Điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý, thị trường, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các quyết định quan trọng khác của Công ty con, theo quy định tại Điều lệ Công ty con, hoặc theo thoả thuận giữa CTP.CP với Công ty con và quy định của pháp luật.

26. "*Đầu tư ra ngoài CTP.CP*" là: Hoạt động đầu tư vốn của CTP.CP vào vốn Điều lệ của các Công ty trực thuộc, và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

27. "*Lợi nhuận đầu tư*" là: Lợi nhuận mà CTP.CP nhận được từ các hoạt động đầu tư ra ngoài CTP.CP.

28. "*Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con*" là: Tổ hợp các doanh nghiệp bao gồm Công ty mẹ và các Công ty con.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a. Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà**



b. Tên tiếng Anh: **Housing Renovation and Development Joint Stock Company**

c. Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển nhà**

d. Tên viết tắt: **CTP.CP**

2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

e. Địa chỉ: Số 28 Trần Nhật Duật - Phường Đồng Xuân - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội

f. Điện thoại: 84.4.38254375

g. Fax: 84.4.38261480

h. E-mail: ctp2003@hn.vnn.vn; ctp2004@vnn.vn;

i. Website: www.ctp.com.vn

4. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh, các công ty con và tham gia góp vốn để thành lập công ty liên kết để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty Cổ phần sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn kể từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu:

a. Tối đa hoá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; bảo toàn và phát triển vốn do Chủ sở hữu đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác;

b. Đảm bảo việc làm cho người lao động và lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật;

c. Hoàn thành các nhiệm vụ khác được Chủ sở hữu Công ty giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại: Chi tiết: Xây dựng lắp đặt: công trình công cộng, nhà ở; công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi; công trình điện, nước; hạ tầng kỹ thuật, các công trình thể dục thể thao vui chơi giải trí; thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KVA	4100
2.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất	7410
3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: - Tư vấn đầu tư và xây dựng về các mặt: lập các dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo mời thầu nghiệm thu công trình - Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp - Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội- ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp - Thiết kế cấp thoát nước; môi trường nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; khu đô thị; công trình xử lý nước; san nền; - Thiết kế điện công trình đối với công trình dân dụng; công trình công nghiệp (nhà xưởng, kho, công trình kỹ thuật phụ trợ); công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Lập, quản lý và thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng phát triển nhà	7110



Stt	Tên ngành	Mã ngành
	khu dân cư và khu đô thị	
4.	Phá dỡ: Chi tiết: Giải phóng mặt bằng cho chủ đầu tư trong nước và nước ngoài (kể cả thi công phá dỡ các công trình phục vụ công tác giải phóng mặt bằng)	4311
5.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng	2392
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng	4663
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: - Kinh doanh: bất động sản, nhà - Cho thuê kho bãi	6810
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa vật tư, máy móc thiết bị phục vụ chuyên ngành xây dựng - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
9.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ thể thao vui chơi giải trí	9329
10.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch	7920
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn	5510
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát	5610



Stt	Tên ngành	Mã ngành
	karaoke, vũ trường)	
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa	4933
15.	Vận tải hành khách đường bộ khác: Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách	4932
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Chi tiết: Trông giữ xe ô tô và xe máy	5221
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Chi tiết: Đại lý kinh doanh các loại xăng dầu, khí đốt, gas	4661
18.	Hoạt động tư vấn quản lý: Chi tiết: Lập, quản lý và thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng phát triển nhà khu dân cư và khu đô thị	7020
19.	Giáo dục mầm non	8510
20.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông: Chi tiết: Giáo dục phổ thông	8531
21.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa: Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Nhi	8620
22.	Khai thác gỗ: Chi tiết: Khai thác gỗ và lâm sản khác (trừ các loại Nhà nước cấm)	0221
23.	Khai thác và thu gom than cứng: Chi tiết: Khai thác than cứng	0510
24.	Khai thác và thu gom than non: Chi tiết: Khai thác than non	0520

Stt	Tên ngành	Mã ngành
25.	Khai thác dầu thô	0610
26.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
27.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: Chi tiết: Khai thác quặng kim loại	0722
28.	Khai khoáng khác	0810
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác: Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	0990
30.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Thoát nước và xử lý nước thải: Chi tiết: Xử lý nước thải	3700
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	4290
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ,	4390

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	<ul style="list-style-type: none">+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,+ Uốn thép,+ Xây gạch và đặt đá,+ Lợp mái bao phủ toà nhà,+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.- Các công việc dưới bề mặt;- Xây dựng bể bơi ngoài trời;- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà;- Thuê cần trục có người điều khiển.	
37.	<p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành, khai thác khu đô thị mới và nhà chung cư cao tầng do cấp có thẩm quyền giao- Môi giới dịch vụ mua bán nhà và xây dựng- Dịch vụ môi giới bất động sản;- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;- Dịch vụ tư vấn bất động sản;- Dịch vụ quảng cáo bất động sản;- Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép.

3. Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con:

Các Công ty thành viên của CTP.CP hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và “Quy định về mối quan hệ hoạt động giữa các Công ty thành viên và CTP.CP” sau khi được HĐQT Công ty phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty đã phát hành cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều lệ này.

a. Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Là cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.

b. Cổ phần tự do chuyển nhượng: Là cổ phần không nằm ở điểm a nêu trên.

Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **41.006.000.000 đồng** (*Bốn một tỷ sáu triệu đồng Việt Nam*); tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.100.600 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

2. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng qui mô hoạt động và đổi mới kỹ thuật công nghệ của Công ty.

- b. Đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ.
 - c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
 - d. Đầu tư động sản và bất động sản.
 - e. Kinh doanh các ngành nghề theo giấy phép đăng ký kinh doanh đã được Nhà nước cấp
4. Không được sử dụng vốn Điều lệ chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp ĐHCĐ quyết định khác nhưng không trái pháp luật.
5. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Việc thanh toán cho các cổ phần đã đăng ký mua có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc hiện vật (bao gồm cả vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu công trình xây dựng). Việc thanh toán bằng hiện vật và giá trị hiện vật phải do HĐQT quyết định.
7. Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi đã phân phối cho các cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối hoặc trao quyền mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu đãi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.
8. Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính Công ty, việc mua lại cổ phần của Công ty phải do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán khi xét thấy cần thiết. Việc mua bán cổ phần ngân quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
9. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu và các quyền kèm theo trái phiếu để huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Việc phát

hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ.
2. Các thông tin về cổ đông như quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong Sổ Đăng ký cổ đông tại Công ty, Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần hợp pháp của cổ đông với Công ty.
3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong vòng 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ khi mua hoặc nhận chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
4. Nếu một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có quyền yêu cầu Công ty cấp giấy chứng nhận thay thế và phải nộp phí theo quy định của Hội đồng quản trị.
5. Người sở hữu cổ phần phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những giấy chứng nhận này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, trụ sở của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả cổ đông biết.

4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 8. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận quyền sở hữu cổ phần của người thừa kế theo quy định của Pháp luật nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi các trách nhiệm về tài sản liên quan đến cổ phần của người này. Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

3. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, thì tổ chức/pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.

4. Người thừa kế hợp pháp phải được thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

5. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (*trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự*), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 10. Thu hồi Cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, Hội đồng Quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền chưa trả và những chi phí của Công ty do việc không thanh toán này gây ra.

2. Thông báo trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và nêu rõ trong trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu yêu cầu thanh toán trên không được thực hiện trong thời hạn thông báo, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó. Trường hợp cổ đông chỉ thanh toán một phần, thì Hội đồng quản trị sẽ thu hồi số lượng cổ phần chưa thanh toán.

4. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, thì các cổ phiếu bị Hội đồng Quản trị quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức.

5. Cổ phần bị thu hồi sẽ được giao nộp về Công ty và trở thành tài sản của Công ty và có thể được phân phối lại hoặc xử lý theo phương thức mà Hội đồng Quản trị thấy phù hợp.

6. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Công ty thực hiện theo cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành như sau:

a. Đại hội đồng cổ đông;

- b. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT Công ty;
- c. Tổng Giám đốc Công ty;
- d. Phó Tổng giám đốc Công ty;
- e. Ban Kiểm soát Công ty;
- f. Kế toán trưởng Công ty;
- g. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ;
- h. Các công ty con;
- i. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty.

2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty có thể thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở các quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Điều 25 và 37 của Điều lệ này.

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghiệp vụ của người quản lý hoặc người ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc nhiệm kỳ của HĐQT đã hết hạn sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế.

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần (*Khi chuyển địa chỉ cổ đông có trách nhiệm thông báo địa chỉ mới cho bộ phận Quản lý cổ đông của Công ty hoặc cho đơn vị được C.T.P.CP uỷ quyền quản lý cổ đông*);
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3d và 3e Điều 14.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4a Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4b Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3d Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Cty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điểm o khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các quyết định và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Quy định tại khoản 2 Điều 16 sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện tại khoản 4 Điều 16 chậm nhất trong vòng bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 15, khoản 2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên

thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 khoản 4b hoặc Điều 14 khoản 4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở

chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12 khoản 3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều 18 trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo quyết định cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả

trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 khoản 3 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ quyết định được thu trước, số thẻ phản đối quyết định được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ

toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người (Ban kiểm phiếu có thể yêu cầu thêm một số lượng người giúp việc).

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muợn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:

- a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội,
- b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc
- c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không

quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 20, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 21, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung chủ yếu của Biên bản ĐHĐCĐ theo điều 106 Luật doanh nghiệp.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án

hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đề cử, miễn nhiệm thành viên HĐQT.

1. Hội đồng Quản trị có ba (03) đến năm (05) thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên.
2. Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ năm (05) năm.
3. Các thành viên HĐQT có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được bầu lại cho các nhiệm kỳ tiếp theo. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc từ chức giữa một nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ đầu tiên của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT.
4. Hội đồng quản trị được bầu trực tiếp bằng phiếu kín theo thể thức dồn phiếu tại Đại hội cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử phải đạt ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội cổ đông.
5. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc sẽ tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
6. HĐQT sẽ bầu Chủ tịch và một Phó Chủ tịch để thực hiện các công việc quy định tại Điều lệ
7. Trong trường hợp số thành viên HĐQT giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên giảm xuống quá một phần ba (1/3) của số thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ này, ĐHĐCĐ phải tổ chức họp bất thường để bầu lại các vị trí bỏ trống trong vòng sáu mươi

(60) ngày. Trong các trường hợp khác, các vị trí trống sẽ được bầu lại vào phiên họp ĐHĐCĐ gần nhất.

8. Đề cử và ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Tiêu chuẩn đề cử và ứng cử thành viên HĐQT

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số Cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc đại diện của Cổ đông là pháp nhân có đủ điều kiện đề cử thành viên HĐQT (cho dù có nắm Cổ phần của Công ty hay không).

b. Đề cử và ứng cử vào HĐQT

- Cổ đông thể nhân nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty hoặc đại diện cổ đông pháp nhân nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này được quyền tự ứng cử làm ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên, được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.

- Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên có quyền gộp số phiếu của từng người với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị.

- Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ chiếm từ 10% (mười phần trăm) đến 20% (hai mươi phần trăm) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 1 (một) ứng cử viên; nếu chiếm trên 20% (hai mươi phần trăm) đến 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 2 (hai) ứng cử viên; nếu chiếm trên 50% (năm mươi phần

trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 3 (ba) ứng cử viên; và nếu chiếm trên 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được quyền đề cử đủ số ứng cử viên;

9. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên Hội đồng Quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản và sau khi được sự đồng ý của Hội đồng Quản trị;

c. Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực hành vi và/hoặc bị mất năng lực pháp lý theo các quy định của pháp luật;

d. Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt liên tục ba (03) phiên họp của Hội đồng Quản trị mà không có lý do hợp lý và không được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc 3/5 số thành viên Hội đồng Quản trị cho phép. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định vị trí của thành viên Hội đồng Quản trị đó đã bỏ trống;

e. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

f. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

g. Hội đồng quản trị có thể đề cử một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và tiến hành lấy ý kiến chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký HĐLĐ, chấm dứt HĐLĐ Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc miễn nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị miễn nhiệm;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108 khoản 2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120 khoản 3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và miễn nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông qua Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

11. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do ĐHĐCĐ giao;

12. Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, ngành, nghề kinh doanh của CTP.CP, đơn vị hạch toán phụ thuộc CTP.CP và của các Công ty con do CTP.CP sở hữu toàn bộ vốn Điều lệ; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của CTP.CP với các Công ty con;

13. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các Công ty khác, bán tài sản của CTP.CP có giá trị dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CTP.CP;

14. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác vượt quá mức vốn Điều lệ của CTP.CP;

15. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, định biên và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý CTP.CP, quy hoạch, đào tạo lao động; quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện của CTP.CP và các đơn vị phụ thuộc; phê duyệt Quy chế hoạt động, quy chế tài chính của Chi nhánh, văn phòng đại diện và của các đơn vị phụ thuộc theo đề nghị của Tổng Giám đốc; Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm thành viên liên kết của Công ty;

16. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và giải quyết các lợi ích khác có liên quan đối với các chức danh sau:

a. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

b. Chủ tịch Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty đối với Công ty không có HĐQT), Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên do CTP.CP nắm giữ toàn bộ vốn Điều lệ;

c. Người tham gia quản lý vốn của CTP.CP tại các doanh nghiệp đầu tư liên doanh, liên kết với nước ngoài;

d. Người đại diện phần vốn góp của CTP.CP ở doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty;

e. Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty con, đơn vị chi nhánh CTP.CP.

17. Chấp thuận bằng văn bản đề Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật, luân chuyển, điều động; quyết định mức lương, giải quyết các lợi ích khác có liên quan đối với các chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc/phó giám đốc, Kế toán trưởng đối với Công ty TNHH một thành viên, Công ty con chiếm 100% vốn điều lệ, đơn vị chi nhánh trực thuộc CTP.CP;

18. Quyết định cử Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc/phó giám đốc, Kế toán trưởng đối với Công ty TNHH một thành viên, Công ty con chiếm 100% vốn điều lệ, đơn vị chi nhánh trực thuộc CTP.CP đi nước ngoài;

19. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ sở hữu các Công ty TNHH, Công ty cổ phần mà CTP.CP là chủ sở hữu hoặc cùng với Công ty khác là đồng chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia công ty thành viên của CTP.CP;

20. Đầu tư và điều chỉnh vốn và các nguồn lực khác do CTP.CP đầu tư giữa các Công ty trực thuộc theo Điều lệ của các Công ty đó;

21. Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc quyết định phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu;

22. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của CTP.CP, Công ty TNHH một thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất của CTP.CP và các Công ty con; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng Giám đốc đề nghị;

23. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do đại diện chủ sở hữu giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, Điều lệ của CTP.CP, Điều lệ của Công ty TNHH một thành viên, Điều lệ Công ty con, doanh nghiệp có phần vốn góp của CTP.CP đối với:

a. Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng CTP.CP;

b. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên;

c. Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty 100% vốn CTP.CP;

d. Người được CTP.CP uỷ quyền đại diện quản lý phần vốn góp của CTP.CP tại Doanh nghiệp khác.

24. Quyết định đầu tư vào các Công ty con, sử dụng vốn của CTP.CP để thành lập Công ty con, mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khác nhưng không vượt quá mức vốn

đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định phương án phối hợp kinh doanh của CTP.CP với các Công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do CTP.CP đầu tư vào các công ty con theo điều lệ của các công ty đó.

25. Phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty TNHH một thành viên, Công ty con 100% Vốn điều lệ thuộc CTP.CP theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định việc ký kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng theo phân cấp thẩm quyền của HĐQT vào từng thời điểm;

b. Quyết định việc ký kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT;

c. Trong trường hợp ủy quyền cho người khác thực hiện, Chủ tịch HĐQT thông qua việc ký kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng mua, bán, vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và hợp đồng khác có giá không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT;

d. Đại diện Công ty hoặc ủy quyền cho người khác đại diện Công ty trong các giao dịch với các cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế;

e. Thay mặt Công ty hoặc ủy quyền cho người khác ký kết các hợp đồng kinh tế phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT hoặc theo thẩm quyền quyết định của chính mình;

f. Quyết định các vấn đề ngoài thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp, Chủ tịch HĐQT sẽ ngay lập tức báo cáo lên HĐQT và/hoặc cơ quan nhà nước có liên quan để xem xét giải quyết;

g. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, thưởng và phụ cấp của các Cán bộ Quản lý khác (ngoại trừ các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng);

h. Quyết định Quy chế hoạt động của các Cán bộ Quản lý khác (ngoại trừ các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng), Quy chế hoạt động của các bộ phận trực thuộc Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các Quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;

i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

j. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;

k. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới các hình thức;

l. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;

m. Chủ tọa các phiên họp ĐHĐCĐ;

n. Các quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho phó Chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp không có người được uỷ quyền vì bất kỳ lý do nào, các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày (mười ngày).

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày

trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu-rơ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34 khoản 4a và Điều 34, khoản 4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với

Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nội dung quyết định và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Quyết định bằng văn bản. Quyết định bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Quyết định loại này có hiệu lực và giá trị như quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.

b. Quyết định của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành

viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc hoặc một số Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một quyết định được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm; Thuê Tổng Giám đốc

a. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc. Mức lương của Tổng giám đốc được duyệt theo quy định phân phối tiền lương của Công ty.

b. Thuê: Hội đồng quản trị sẽ ký hợp đồng thuê và quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ

cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 27 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc thuê Tổng Giám đốc có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Hợp đồng với những cán bộ quản lý sẽ do Tổng giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị thông qua;

d. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật, luân chuyển, điều động; quyết định mức lương, giải quyết các lợi ích khác có liên quan đối với các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng đơn vị chi nhánh, Công ty TNHH một thành viên, Công ty con 100% vốn CTP.CP và đơn vị chi nhánh sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc

pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những

thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 36. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đề cử, miễn nhiệm thành viên BKS:

1. Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng phiếu kín theo hình thức dồn phiếu và từ có 01 thành viên đến (03) thành viên.

2. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại vào Đại hội cổ đông tiếp theo.

3. Trong số các thành viên Ban kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm trưởng Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ những tiêu chuẩn sau đây:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

c. Không phải là vợ, chồng, hoặc người thân thuộc trực hệ 3 (ba) đời của thành viên Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty;

d. Không phải là đối tượng quy định tại Điều 13.2 Luật doanh nghiệp;

e. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;

f. Có ít nhất 3 năm (ba năm) kinh nghiệm quản lý kinh doanh;

g. Có hiểu biết pháp luật;

h. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

5. Đề cử và ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

a. Cổ đông thể nhân hoặc đại diện cổ đông pháp nhân nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này được quyền tự ứng cử làm ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên, được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát;

Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng (sáu tháng) liên tiếp trở lên có quyền gộp số phiếu của từng người với nhau để đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát;

Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ chiếm từ 10% (mười phần trăm) đến 30% (ba mươi phần trăm) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 1 (một) ứng cử viên; nếu chiếm trên 30% (ba mươi phần trăm) đến 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 2 (hai) ứng cử viên; và nếu chiếm trên 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được quyền đề cử đủ số ứng cử viên;

c. Tất cả các ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Không đáp ứng được các quy định tại khoản 4 điều này.

b. Thành viên Ban kiểm soát bị mất năng lực hành vi hoặc năng lực quản lý và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có bằng chứng chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;

c. Thành viên Ban kiểm soát không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian 12 tháng (mười hai tháng) liên tục mà không được phép của Ban Kiểm soát;

d. Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông gần nhất. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức phải được các thành viên còn lại nhất trí.

Điều 38. Quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 39. Đơn vị hạch toán phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của CTP.CP

CTP.CP có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm thông qua Điều lệ.

Điều 40. Quan hệ giữa CTP.CP với đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc CTP.CP được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo uỷ quyền của CTP.CP quy định trong quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng Quản trị CTP.CP phê duyệt. CTP.CP chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc;

2. Các đơn vị phụ thuộc CTP.CP không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản của đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của CTP.CP. Việc điều chuyển vốn và tài sản cho các đơn vị phụ thuộc CTP.CP phải căn cứ vào phương án kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được Hội đồng Quản trị CTP.CP phê duyệt.

Điều 41. Quan hệ của CTP.CP đối với Công ty TNHH một thành viên do CTP.CP làm Chủ sở hữu

CTP.CP thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đối với Công ty con là Công ty TNHH một thành viên do CTP.CP làm Chủ sở hữu:

1. Trình ĐHĐCĐ Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi, sáp nhập, giải thể, phá sản Công ty con là Công ty TNHH một thành viên do CTP.CP làm Chủ sở hữu và Quy định mô hình tổ chức và cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên;

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính Công ty;

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức thù lao hoặc lương và các lợi ích khác đối với Chủ tịch Công ty, thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;

4. Quyết định mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;
5. Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ, tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ của Công ty;
6. Quyết định dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị trên 50% (năm mươi phần trăm) giá trị tài sản theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất của Công ty;
7. Tổ chức giám sát bằng các hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh, tài chính và quản lý của Công ty, hoạt động của Chủ tịch Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty;
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 42. Quan hệ giữa CTP.CP và các công ty con là Công ty cổ phần, Công ty liên kết, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty liên doanh

1. Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, Công ty liên doanh, Công ty ở nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bị chi phối) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của Công ty đó;
2. CTP.CP thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
3. CTP.CP trực tiếp quản lý vốn góp ở Công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của CTP.CP tại các Công ty con (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp);
4. CTP.CP có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối;
 - b. Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty con;

- c. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại Công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty;
- d. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các Công ty con;
- e. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các Công ty con;
- f. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Quan hệ giữa CTP.CP với Công ty liên kết

- 1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của Công ty đó;
- 2. CTP.CP cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của Công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết;
- 3. Phối hợp với Công ty liên kết xây dựng các quy chế, quy định cụ thể chung để thoả mãn về tổ chức, hoạt động và các mối quan hệ khác trình Hội đồng Quản trị CTP.CP phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 44. Nghĩa vụ và trách nhiệm của CTP.CP đối với Công ty con, Công ty liên kết

- 1. Nghĩa vụ:
 - a. Bảo đảm việc định hướng chiến lược kinh doanh chung của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con phù hợp với Điều lệ của công ty con, công ty liên kết;
 - b. Phối hợp giữa các công ty trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng công ty đơn lẻ không có khả năng thực hiện, thực hiện không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp hơn so với khi có sự phối hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;
 - c. Hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp hoặc cạnh tranh nội bộ dẫn đến phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

d. Thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các công ty trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

e. Thực hiện các quyền chi phối đối với Công ty con theo Điều lệ của Công ty bị chi phối. CTP.CP không được lạm dụng quyền chi phối làm tổn hại đến lợi ích của các Công ty con, các chủ nợ, các cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan;

2. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thoả thuận với Công ty con, gây thiệt hại cho công ty và các bên liên quan thì CTP.CP phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các Công ty đó và các bên liên quan:

a. Buộc Công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các đơn vị này;

b. Điều chuyển vốn, tài sản của Công ty con gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: Điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

c. Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ Công ty con này sang Công ty con khác mà không có sự thoả thuận của công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty bị điều chuyển bị lỗ hoặc lợi nhuận bị giảm sút nghiêm trọng;

d. Quyết định các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đối với các Công ty con trái với điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ của CTP.CP cho Công ty con, Công ty liên kết không dựa trên cơ sở ký kết hợp đồng kinh tế với các Công ty này;

e. Buộc Công ty con cho CTP.CP hoặc Công ty con khác vay vốn với lãi suất thấp với điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để CTP.CP, Công ty con khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của Công ty con.

CHƯƠNG XII. QUẢN LÝ VỐN GÓP VÀ CỬ NGƯỜI ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ PHẦN VỐN GÓP ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 45. Vốn của CTP.CP tại Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công liên doanh, Công ty liên kết

1. Vốn của CTP.CP tại Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, bao gồm: Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của CTP.CP đầu tư vào Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty liên kết, Công ty liên doanh,....

2. Vốn của Chủ sở hữu đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho CTP.CP;

3. Giá trị cổ phần hoặc vốn đầu tư tại các bộ phận trong CTP.CP được chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển đổi Công ty TNHH;

4. Vốn do CTP.CP tự vay để đầu tư;

Vốn tái đầu tư từ lợi ích được chia;

5. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của CTP.CP trong tham gia đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác

1. CTP.CP là Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp tại Công ty cổ phần, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, Công ty TNHH theo quy định của pháp luật;

2. Quyền và nghĩa vụ trong quản lý cổ phần, vốn góp tại các doanh nghiệp khác.

a. Quyền của đại diện Chủ sở hữu:

- Quyết định đầu tư, góp vốn, giảm vốn đầu tư hoặc cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật liên quan, điều lệ này và điều lệ của doanh nghiệp mà CTP.CP có cổ phần, vốn góp;

- Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện, kiểm soát viên tại doanh nghiệp có cổ phần chi phối, Công ty liên doanh với nước ngoài; giới thiệu người đại diện ứng cử vào HĐQT, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp có vốn góp, cổ phần của doanh nghiệp phù hợp với các quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và pháp luật Việt Nam và nước ngoài;

- Quyết định giao số cổ phần, vốn góp tương ứng với số phiếu biểu quyết cho từng người đại diện sở hữu.

b. Quyền và nghĩa vụ của CTP.CP:

- Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện, kiểm soát viên tại Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, Công ty TNHH;

- Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu người đại diện thực hiện theo các nội dung sau:

+ Định hướng thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của CTP.CP;

+ Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh và các nội dung khác;

+ Báo cáo những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của CTP.CP để xin ý kiến trước khi biểu quyết.

- Giải quyết những đề nghị của người đại diện của CTP.CP tại các doanh nghiệp có vốn góp của CTP.CP;

- Thu cổ tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở các Công ty cổ phần, Công ty liên kết, Công ty liên doanh, Công ty TNHH. Phần vốn thu về, kể cả cổ tức được chia do CTP.CP quyết định sử dụng để phục vụ cho các mục tiêu đầu tư, kinh doanh của CTP.CP. Trường hợp tổ chức lại CTP.CP thì việc quản lý phần vốn góp, cổ phần này thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của CTP.CP và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của CTP.CP tại Công ty cổ phần, Công ty liên kết, Công ty TNHH, Công ty liên doanh, ...

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Tiêu chuẩn, điều kiện của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP

Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là người của CTP.CP;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty có vốn đầu tư của CTP.CP; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện Chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Giám đốc của Công ty có vốn đầu tư của CTP.CP mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;
- Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của CTP.CP mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hóa.
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ và quyền lợi của người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP tại Công ty con, Công ty liên kết

1. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Đại diện cho CTP.CP thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh của doanh nghiệp có vốn góp. Sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng doanh nghiệp bị chi phối thực hiện mục tiêu do CTP.CP giao;
 - b. Trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp bị chi phối theo quy định của Điều lệ của doanh nghiệp đó;
 - c. Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết;
 - d. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc CTP.CP về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối;

e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc CTP.CP trước khi biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị của Công ty con về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi, bổ sung điều lệ, tăng, giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn.

f. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của CTP.CP ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho CTP.CP thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính, các quy định có liên quan khác của CTP.CP;

g. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của CTP.CP phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của CTP.CP; sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành nghề kinh doanh lại doanh nghiệp khác. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị CTP.CP và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng quản trị CTP.CP thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Điều lệ của CTP.CP.

2. Trường hợp có nhiều người cùng làm đại diện của CTP.CP tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty khác thì phải cùng nhau bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến phê chuẩn của Hội đồng quản trị trước khi phát biểu ý kiến, biểu quyết về những vấn đề được quy định tại khoản 1 điều này;

3. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của CTP.CP được hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các chế độ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG XIII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 25, khoản 8 điểm b và Điều 37, khoản 5 điểm b của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XIV. TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC

Điều 50. Tổ chức Đảng, Công đoàn và Tổ chức Xã hội khác

Các tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG XV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 51. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua quyết định quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 52. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm trình Đại hội cổ đông phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty và mức trích lập các quỹ như sau:

1. Quỹ đầu tư phát triển sản xuất tối đa 50% lợi nhuận sau thuế.
2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 15% lợi nhuận sau thuế.
3. Quỹ Xã hội tối đa 2% lợi nhuận sau thuế (*dùng để chi phí cho các khoản đóng góp công ích xã hội, thiên tai, nhân đạo, hưu trí...*).

CHƯƠNG XVI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Quỹ dự phòng Tài chính

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự phòng Tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự phòng bằng 30% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 55. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Hàng năm, trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đồng thời thực hiện chế độ báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 57. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVII. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 58. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 60 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 59. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Cổ đông CTP.CP vào website của Công ty: www.ctp.com.vn - được Công ty cập nhật thường xuyên để biết các thông tin về hoạt động SXKD, báo cáo tài chính, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, trả cổ tức.v.v...và các thông tin có liên quan khác được công bố theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định (hoặc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chọn) một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 3 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIX. CON DẤU

Điều 61. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 62. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 64. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài Kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXIII Chương 68 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển Nhà nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2014 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển Nhà;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển Nhà;

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 68. Chữ ký của Hội đồng quản trị và người đại diện pháp luật của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị

(Đã ký)

Thân Thế Sơn

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Đoàn

(Đã ký)

Mai Công Quyền

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hòa

(Đã ký)

Đinh Hồng Sơn

Người đại diện pháp luật của Công ty

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Đoàn